

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2020

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Võ Bá Lưu

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Đặng Văn Hoàn

2. Ông Nguyễn Xuân Thí.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1224/2020/QĐ-ST ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức H; sinh năm 1978; Nơi ĐKKHKT: Tiểu khu 2, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1982; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Thôn Thượng H, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Hiện đang trú tại: MOLLNER LAND STRABE 123 20117, HAMBURG, Đức. Có đơn đề nghị xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 25/9/2019, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Đức H trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn 01/9/2005 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2016 chị Hậu xuất khẩu lao động sang Cộng hòa liên bang Đức. Vì

điều kiện làm việc cũng như khoảng cách về thời gian và địa lý nên mâu thuẫn phát sinh càng nhiều. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp, vợ chồng không còn sự tin tưởng lẫn nhau về tình cảm lẫn kinh tế và nhất là chị H đã có con riêng với người khác, hiện nay cháu bé đã 10 tháng tuổi. Anh H nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

*Về con chung:* Anh H trình bày vợ chồng có 02 con chung mang tên Nguyễn Hà L; sinh ngày 09/02/2006 và Nguyễn Mai L; sinh ngày 20/02/2009. Hiện hai con đang sống chung với ông bà ngoại, nguyện vọng của anh H sau khi ly hôn giao con lại cho chị H nuôi dưỡng, trước mắt là nhờ ông bà ngoại tiếp tục chăm sóc, hàng tháng anh H sẽ đóng góp nuôi con theo pháp luật quy định.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Anh H trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía chị Nguyễn Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã ủy thác tư pháp ra nước ngoài thông qua Cơ quan đại diện của Việt Nam tại Cộng hoà liên bang Đức để yêu cầu cơ quan này tổng đạt các văn bản tố tụng và thu thập lời khai đối với chị Nguyễn Thị H. Ngày 06/4/2020 Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được Bản tự khai đề ngày 20/3/2020 của chị H gửi từ bưu điện nước ngoài về, nội dung chị đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà án. Chị H thống nhất như trình bày của anh H về quá trình tìm hiểu và kết hôn. Do hiện tại cuộc sống mỗi người một nơi, ai cũng có cuộc sống riêng của mình, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện tại chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn được nên cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H.

*Về con chung:* Chị H trình bày vợ chồng có 02 con chung mang tên Nguyễn Hà L; sinh ngày 09/02/2006 và Nguyễn Mai L; sinh ngày 20/02/2009. Hiện hai con đang sống chung với ông bà ngoại, nguyện vọng của chị sau khi ly hôn được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng hai con, trước mắt là nhờ ông bà ngoại tiếp tục chăm sóc hai cháu đến khi chị H trở về Việt Nam, hàng tháng anh H sẽ đóng góp nuôi con theo pháp luật quy định.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Vì điều kiện ở xa nên chị H không thể về Việt Nam để tham gia phiên toà theo thời gian đã ấn định, chị xin phép được vắng mặt tại phiên hoà giải và phiên toà, đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Bên cạnh đó Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã yêu cầu thân nhân của bị đơn là bà Trần Thị H (mẹ ruột) của chị Nguyễn Thị H trình bày ý kiến của mình về việc anh H xin ly hôn chị H, bà H trình bày: “Chị H là con gái của bà, từ khi chị H đi làm ăn ở Đức đến nay vẫn hay liên lạc với gia đình bằng điện thoại, thư từ và gửi tiền về cho ông bà nuôi hai con của mình, bà có nghe chị H tâm sự vợ chồng con đang làm thủ tục ly hôn và nhờ tôi nuôi hai cháu đến khi con gái tôi trở về nước”.

Xét thấy việc trưng cầu giám định đối với chữ viết, chữ ký tại Bản tự khai do chị Nguyễn Thị H gửi về là cần thiết cho việc làm căn cứ giải quyết vụ án. Ngày 20 tháng 4 năm 2020 Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã ra Quyết định số 499/2020/QĐ-TCGD trưng cầu giám định đối với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị H ở mục ký tên tại Bản tự khai của chị H gửi cho Toà án. Tại kết luận giám định số 633/PC09 (GD) ngày 28/4/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình đã xác định chữ viết, chữ ký trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết (chữ viết, chữ ký trên tài liệu mẫu so sánh là do chính chị Nguyễn Thị H viết).

Tại phiên toà, nguyên đơn anh Nguyễn Đức H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị H vì chị H đã có con riêng với người khác, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức H được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Giao hai con Nguyễn Hà L; sinh ngày 09/02/2006 và Nguyễn Mai L; sinh ngày 20/02/2009 cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc nuôi dưỡng, hàng tháng anh Nguyễn Đức H cấp dưỡng nuôi hai con 2.000.000đồng kể từ tháng 9/2020 cho đến khi hai con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Theo thông tin cung cấp của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an thì chị Nguyễn Thị H đã sử dụng hộ chiếu số B5058585 xuất cảnh ngày 23/10/2016 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, hiện chưa thấy thông tin nhập cảnh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Toà án cho đương sự ở nước ngoài theo quy định tại Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên toà, bị đơn vắng mặt và đã có ý kiến đề nghị Toà án xét xử vắng mặt tại hồ sơ vụ án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc vắng mặt của đương sự trong trường hợp này, Toà án vẫn tiến hành xét xử .

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau, đến năm 2016 thì chị Nguyễn Thị H đi xuất khẩu lao động tại Đức. Tuy nhiên do điều kiện làm việc cũng như khoảng cách về thời gian và địa lý nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp, vợ chồng không còn sự tin tưởng lẫn nhau về tình cảm lẫn kinh tế. Tại phiên tòa anh Nguyễn Đức H vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Chị H có biết việc anh H xin ly hôn, chị có văn bản gửi từ Đức về xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn hôn nhân nên đồng ý ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Đức H để xử cho ly hôn với chị Nguyễn Thị H là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung mang tên Nguyễn Hà L; sinh ngày 09/02/2006 và Nguyễn Mai L; sinh ngày 20/02/2009. Sau khi ly hôn nguyện vọng của anh H giao 02 con chung cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của anh H thấy rằng, từ khi chị H đi làm ăn nước ngoài đến nay hai con sinh sống ổn định với ông bà ngoại (mẹ ruột chị H) vì anh H công việc không ổn định nay đây mai đó, các cháu Mai L và Hà L đều có đơn trình bày ý kiến xin được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của anh H và các cháu để giao hai con cho chị H nuôi dưỡng, trước mắt chị H chưa về nước thì việc chăm sóc nuôi dưỡng giao lại ông bà ngoại, buộc anh Nguyễn Đức H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[2.4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Nguyễn Đức H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Về lệ phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài và chi phí giám định tư pháp theo quy định: Anh Nguyễn Đức H đã nộp đủ.

[2.6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo luật định.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 277, Điều 147, 153, Điều 464, Điều 469, Điều 474, khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức H được ly hôn chị Nguyễn Thị H;

2.Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hà L; sinh ngày 09/02/2006 và cháu Nguyễn Mai L; sinh ngày 20/02/2009 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đức H có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 9/2020 cho đến khi hai con tròn 18 tuổi. Tạm giao hai cháu Nguyễn Hà L và Nguyễn Mai L cho bà Trần Thị H (bà ngoại) trực tiếp trông nom chăm sóc, giáo dục.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4.Về án phí:

Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2017/0006806 ngày 04/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Anh Nguyễn Đức H phải chịu 3.441.000đồng lệ phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài và chi phí giám định tư pháp (anh H đã nộp đủ). Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án sơ thẩm xử công khai, anh Nguyễn Đức H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh QB (P9);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- UBND xã Hải Trạch
- UBND thị trấn Đồng Lê;
- Lưu Toà DS, HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Võ Bá Lưu**

